

BÁO CÁO

**“Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023”
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện Nghị quyết số 833/2023/UBTVQH15 ngày 27/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2024; Kế hoạch giám sát chi tiết số 623/KH-ĐGS ngày 21/9/2023 của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023”. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức giám sát đối với một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Kết quả cụ thể như sau:

PHẦN I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2018 – 2023**

**I. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI
HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG,
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

Các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản, quy định liên quan về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập được các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, cơ bản đã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh¹.

¹ Kế hoạch số 77-KH/TU ngày 15/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII); Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành các văn bản để cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy về sắp xếp lại hệ thống tổ chức và quản lý hoạt động của các ĐVSNCN làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện². Trên cơ sở đó, các sở ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch để triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCN của tỉnh³ và ban hành các kế hoạch, văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả khung năng lực, trình độ, tiêu chuẩn từng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng quy định⁴.

Trên cơ sở các quy định pháp luật và các Nghị quyết quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công do Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành⁵, UBND tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) và xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, danh mục và phương thức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trên

² Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế trong cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCN trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 23/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, tổ chức, ĐVSNCN trên địa bàn tỉnh.

³ Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCN tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 2099/QĐ-BCĐ ngày 15/11/2023 của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCN tỉnh Bắc Kạn.

⁴ Kế hoạch số 366/KH-BCĐ ngày 09/6/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCN tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Công văn số 7278/UBND-NCPC ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 7502/BCĐ-NCPC ngày 07/11/2023 của Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm về việc khẩn trương xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

⁵ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 sửa đổi, bổ sung quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND và Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

địa bàn tỉnh; hướng dẫn tiêu chuẩn chuyên gia đối với công việc lấy ý kiến chuyên gia về định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở triển khai hoạt động đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập

1.1. Tình hình và kết quả đạt được

- Hiện nay, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh là 375 đơn vị thuộc khối chính quyền, giảm 89 đơn vị so với năm 2015 (464 đơn vị), giảm 72 đơn vị so với năm 2017 (447 đơn vị) và giảm 13 đơn vị so với năm 2021 (388 đơn vị); 14 đơn vị thuộc khối đảng, đoàn thể, giữ nguyên so với các năm 2015, 2017, 2021.

+ Về giảm đầu mỗi ĐVSNNCL so với mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW: Từ năm 2015 đến nay, tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện giảm 89 đơn vị (đạt 19,18%). Tính cả hai giai đoạn (2015-2020 và 2021-2025), tỉnh Bắc Kạn cơ bản đã thực hiện đạt chỉ tiêu về giảm số đầu mỗi ĐVSNNCL (20%). Trong năm 2024 và 2025, tỉnh cần tiếp tục thực hiện sắp xếp giảm 0,9% (tương ứng 4,6 đơn vị) để đạt mục tiêu đặt ra theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

+ Về biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN: Năm 2015, tỉnh được giao 10.448 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN; năm 2023, tỉnh được giao 8.978 biên chế (bao gồm được bổ sung 16 biên chế giáo viên năm học 2022-2023). Như vậy, so với năm 2015, tỉnh đã thực hiện giảm 1.486 biên chế⁶ sự nghiệp hưởng lương từ NSNN, tương ứng giảm 14,2%, đảm bảo tỷ lệ giảm tối thiểu 10% biên chế được giao so với năm 2015 theo mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

+ Số ĐVSNNCL tự đảm bảo chi thường xuyên thấp, chưa đạt so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra⁷. Hiện tỉnh có 21/375 ĐVSNNCL tự đảm bảo chi thường xuyên, tương ứng 5,6% và giảm chi được 3,5% NSNN.

⁶ Không bao gồm 16 biên chế giáo viên được bổ sung theo định mức (10.448-8.962 = 1.486)

⁷ Phần đầu có 10% đơn vị tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ NSNN cho các ĐVSNNCL so với giai đoạn 2011-2015

- Số lượng ĐVSNCL được thành lập: 01 đơn vị thuộc UBND tỉnh⁸ (trên cơ sở tổ chức lại các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh).

- Việc cơ cấu lại, giải thể ĐVSNCL hoạt động không hiệu quả: Năm 2019, tỉnh thực hiện giải thể Trường Trung cấp Y tế thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn do hoạt động của trường không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

1.2.1. Tồn tại, hạn chế

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy tại một số đơn vị chưa đảm bảo thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; một số đơn vị sự nghiệp sau sáp nhập chưa được cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn xếp hạng⁹.

- Các quy định có liên quan về thực hiện hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông,... cấp huyện thành Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện và chuyển một số chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước ở các đơn vị này về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng) cấp huyện... chưa được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo đồng bộ trong chính sách, pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương (như Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thú y và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết các Luật này). Bên cạnh đó, việc sử dụng biên chế viên chức thực hiện nhiệm vụ của công chức (nhiệm vụ của các Trạm thuộc Chi cục trước đây) là chưa phù hợp. Tuy nhiên, do tỉnh không tự cân đối được số biên chế công chức để bố trí thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nên các đơn vị gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo:

+ Khối Giáo dục thường xuyên được UBND tỉnh giao nhiệm vụ dạy học chương trình GDTX cấp THPT nhưng không được giao bổ sung biên chế cũng như kinh phí hoạt động. Kinh phí chi cho công tác đào tạo giáo dục thường xuyên hàng năm bội chi, do nguồn thu từ học phí thấp vì đại đa số học viên đều thuộc diện dân tộc thiểu số, hộ nghèo... nên trường phải chi từ ngân sách dành cho học sinh khối giáo dục nghề nghiệp. Do không được giao bổ sung biên chế, số giáo viên hiện đang giảng dạy là số giáo viên giảng dạy trình độ cao đẳng nhưng do sắp xếp lại cơ sở đào tạo nên nhà trường đã bố trí giảng dạy chương

⁸ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn

⁹ Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện; các ĐVSNCL thuộc các ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường...

trình GDTX cấp THPT. Do thiếu giáo viên nên nhà trường phải sử dụng kinh phí để thuê giáo viên thỉnh giảng làm ảnh hưởng các khoản chi thường xuyên của nhà trường.

+ Hàng năm, số giờ vượt định mức của giáo viên Khối Giáo dục nghề nghiệp từ 8.000 – 10.000 giờ do thiếu giáo viên và đa số phải kiêm nhiệm công tác khác; nhiều bộ môn, giáo viên phải dạy vượt định mức trên 300 giờ. Tuy nhiên, việc thanh toán làm thêm giờ cho giảng viên, giáo viên theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 gặp nhiều khó khăn và không thực hiện được do liên quan đến các Thông tư hướng dẫn chế độ làm việc của nhà giáo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Bên cạnh đó, giáo viên làm việc tại các phòng chuyên môn (*Đào tạo, Thanh tra- khảo thí, Công tác HSSV, Tổ chức – Hành chính*) không được phép vượt giờ quá 50% số giờ định mức, nên mặc dù số giáo viên này chưa vượt quá 300 giờ theo quy định của Luật Lao động nhưng nếu bố trí dạy thêm lại vi phạm quy chế làm việc của Nhà giáo.

+ Việc sáp nhập các trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở bộc lộ một số hạn chế như: Tăng số lớp, số học sinh trong khi điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học chưa thực sự đảm bảo, chưa được đầu tư kịp thời; các trường sau sáp nhập cách xa nhau, xa điểm trường chính nên khó khăn trong việc tổ chức hoạt động chung và việc giáo viên phải di chuyển liên tục đến các điểm trường để giảng dạy. Trong giai đoạn đầu, việc sáp nhập các trường học dẫn tới dôi dư viên chức, nhiều vị trí khó sắp xếp (*ví dụ: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân viên y tế*).

+ Do dồn ghép đơn vị dẫn đến số người làm việc tăng, một số trụ sở làm việc chật hẹp, thiếu phòng bộ môn, ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp.

+ Việc ghép một số phòng, khoa theo tinh thần Đề án số 03-ĐA/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy còn mang tính cơ học do không tương đồng về nhiệm vụ (*như bộ môn Điện ghép với bộ môn Cơ khí thành khoa Cơ điện; chương trình giảng dạy hệ giáo dục thường xuyên ghép với Khoa sư phạm...*) đã tạo ra những khó khăn trong quản lý, điều hành công tác chuyên môn.

- Lĩnh vực y tế:

+ Nguồn thu chủ yếu của đơn vị thực hiện tự chủ tài chính trên địa bàn tỉnh là thu dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, nguồn thu này lại phụ thuộc vào dự toán giao khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế hằng năm. Cơ chế tạm ứng, thanh toán khám, chữa bệnh BHYT còn nhiều bất cập (*quy định về định mức thanh toán đối với bác sỹ trên giường bệnh, số lần khám bệnh trên bàn khám; quy định về giao dự toán và tổng mức thanh toán chi phí khám, chữa*

bệnh Bảo hiểm y tế,...), giá dịch vụ trong khám, chữa bệnh tăng, dẫn đến tình trạng vượt quỹ khám, chữa bệnh. Số vượt dự toán không được BHXH chấp nhận thanh toán, hoặc thanh toán chưa kịp thời khiến một số đơn vị gặp khó về cân đối kinh phí hoạt động.

+ Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ chưa đầy đủ và đồng bộ, giá dịch vụ khám, chữa bệnh chưa tính đúng, đủ các yếu tố chi phí nên ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị y tế.

1.2.2. Nguyên nhân, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết tâm, quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện sắp xếp, giảm đầu mối ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, chưa chủ động đề xuất thực hiện mở rộng tăng cường phát triển nguồn thu, chưa chủ động xây dựng lộ trình, đưa ra các giải pháp nhằm tăng nguồn thu ổn định, bền vững qua đó từng bước nâng cao mức độ tự chủ tài chính, giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

- Việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN chậm, ảnh hưởng đến việc thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý tài chính đối với dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, do đó địa phương không đạt mục tiêu giảm tỷ lệ chi trực tiếp từ ngân sách cho ĐVSNCL theo Nghị quyết đề ra.

- Do không bảo đảm số lượng biên chế/đơn vị theo quy định nên việc sắp xếp tổ chức bộ máy một số ĐVSNCL chưa đảm bảo thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Việc quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

2.1. Tình hình và kết quả đạt được

2.1.1. Kết quả quản lý biên chế

- Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng biên chế và trên cơ sở số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng số người làm việc trong các ĐVSNCL chưa tự bảo đảm chi thường xuyên không vượt quá số lượng được cấp có thẩm quyền thẩm định, giao¹⁰. Số lượng người làm việc (*bao gồm viên chức và hợp đồng lao động*) trong ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên tăng dần theo quy

¹⁰ + Năm 2015: Giao 10.448 biên chế hưởng lương từ NSNN.

+ Năm 2017: Giao 10.448 biên chế hưởng lương từ NSNN.

+ Năm 2021: Giao 9.336 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN, giảm 1.112 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN so với năm 2015, đạt 10,6%, bảo đảm theo tỷ lệ giảm tối thiểu 10% biên chế theo mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra.

+ Năm 2023: Giao 8.978 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN, 792 biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (giảm 206 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN so với năm 2022).

mô hoạt động và mức độ tự chủ của các đơn vị¹¹.

- Việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh thực hiện đúng chủ trương của Đảng¹² và các quy định của pháp luật có liên quan, cơ bản tạo được sự chủ động cho địa phương.

- Việc giao biên chế sự nghiệp tại một số cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng QLNN: Trong quá trình thực hiện chuyển giao tổ chức bộ máy, biên chế từ Trung ương về địa phương quản lý và thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Nghị quyết của Đảng và quy định pháp luật, từ trước năm 2015 đến năm 2017, tỉnh đã bố trí 109 biên chế viên chức tại các cơ quan hành chính thực hiện chức năng QLNN. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, các vị trí trên phải bố trí biên chế công chức để thực hiện nhiệm vụ. Theo đó, trong thời gian qua, tỉnh đã chủ động tự cân đối, bố trí được 51/109 biên chế công chức để thay thế biên chế viên chức thực hiện chức năng QLNN, hiện vẫn còn 58 biên chế viên chức đang thực hiện chức năng QLNN, tỉnh không thể tự cân đối biên chế công chức để chuyển đổi¹³. Những khó khăn này, tỉnh đã báo cáo¹⁴, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

- Việc thực hiện hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn nghiệp vụ: Hiện nay, các đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo số lượng người làm việc thực hiện nhiệm vụ được giao nên đã ký hợp đồng chuyên môn tại các trường học (295 hợp đồng) để thay cho các trường hợp nghỉ hưu, thôi việc, nghỉ thai sản, nghỉ ốm đau dài hạn... nhằm bảo đảm số lượng người làm việc tối thiểu theo quy định.

¹¹ Năm 2015: 240 người; Năm 2017: 327 người; Năm 2021: 403 người; Năm 2023: 533 người.

¹² Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 40-KL/TW Ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

¹³ - Năm 2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, do tỉnh không đủ biên chế công chức để bố trí cho các Chi cục Kiểm lâm nên phải bố trí nguyên trạng 64 biên chế viên chức chuyển sang để thực hiện chức năng QLNN. Đến nay, tỉnh đã tự cân đối được 51 biên chế công chức để bố trí thay thế biên chế viên chức, hiện còn 13 biên chế viên chức, tỉnh không tự cân đối được.

- Năm 2002, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển Vườn Quốc gia Ba Bể thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về UBND tỉnh Bắc Kạn quản lý, biên chế bàn giao cho tỉnh đều là biên chế viên chức. Trên cơ sở nhận bàn giao biên chế viên chức của Trung ương, tỉnh đã giao cho Hạt Kiểm lâm 35 biên chế viên chức. Ngày 01/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2019/NĐ-CP thì lực lượng kiểm lâm rừng đặc dụng phải là công chức, nhưng tỉnh không tự bố trí được biên chế công chức để chuyển đổi 35 biên chế viên chức sang biên chế công chức theo quy định, nên đến nay tỉnh vẫn chưa thực hiện được việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy đối với Chi cục Kiểm lâm và các Hạt Kiểm lâm trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Bắc Kạn: Từ khi được thành lập (năm 2004) đến 2015, tỉnh giao cho đơn vị 09 biên chế viên chức; từ năm 2017 đến nay giao cho đơn vị 10 biên chế viên chức để thực hiện chức năng QLNN, hiện nay tỉnh không cân đối được biên chế công chức cho đơn vị để chuyển đổi theo quy định.

¹⁴ Công văn số 1183/UBND-NCPC ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã báo cáo và đề nghị Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, bổ sung 58 biên chế công chức cho tỉnh để chuyển đổi 58 biên chế viên chức đang thực hiện chức năng QLNN sang biên chế công chức theo đúng quy định (Kế hoạch số 192-KH/TU ngày 29/8/2023 về quản lý biên chế giai đoạn 2024-2026

- Việc quản lý, sử dụng viên chức tại các đơn vị cơ bản được bố trí đúng trình độ chuyên môn, năng lực công tác, đáp ứng được yêu cầu công việc. Tuy nhiên, khối lượng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phát sinh hàng ngày lớn, cần đảm bảo đúng thời gian nên viên chức đều tập trung thời gian để giải quyết. Do vậy, việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công để tăng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị chủ yếu phải sử dụng đến lực lượng lao động hợp đồng; việc quản lý viên chức cơ quan chuyên môn gặp khó khăn¹⁵.

2.1.2. Kết quả tình giản biên chế

UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện các quy định và hướng dẫn của trung ương về tình giản biên chế¹⁶. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và thực hiện rà soát, tình giản biên chế theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Kết quả: Từ năm 2015 đến hết năm 2023, tỉnh đã thực hiện giảm được 1.486 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN (cắt giảm theo lộ trình mỗi năm giảm 10%) và thực hiện tình giản biên chế là 144 người (tình giản biên chế theo hồ sơ).

2.1.3. Về số lượng lãnh đạo cấp phó khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

Tại thời điểm báo cáo, số lượng cấp phó của các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh là 459 người/375 đơn vị. Việc bố trí số lượng lãnh đạo cấp phó thuộc các ĐVSNCL bảo đảm không vượt quá số lượng lãnh đạo theo quy định.

Trong giai đoạn đầu thực hiện sắp xếp, tổ chức lại, một số đơn vị có số lượng cấp phó tăng, sau khi có lộ trình bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm đã đảm bảo định mức số lượng cấp phó theo quy định (01 cấp phó/01 đơn vị). Hiện nay, thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định mỗi đơn vị được bố trí không quá 02 cấp phó, một số đơn vị sự nghiệp còn thiếu biên chế cấp phó so với định mức¹⁷.

2.1.4. Kết quả nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Việc quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của tỉnh có sự quan tâm, chỉ đạo và thực hiện thống nhất theo đúng quy định của Luật Viên chức,

¹⁵ Báo cáo số 15/BC-STNMT ngày 10/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường

¹⁶ Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 21/5/2015 về việc thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 31/8/2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2017 về việc thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 29/11/2018 triển khai thực hiện chính sách tình giản biên chế; Kế hoạch số 582/KH-UBND ngày 22/9/2021 thực hiện chính sách tình giản biên chế (thay thế Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 29/11/2018); Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 03/8/2023 thực hiện tình giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ.

¹⁷ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, trường học

các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan¹⁸.

Các cơ quan chuyên môn đã tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng viên chức kịp thời bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ. UBND tỉnh đã giao các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng viên chức phù hợp với bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm.

Kết quả từ năm 2018 đến nay, toàn tỉnh đã tuyển dụng được 1.238 chỉ tiêu (*trong đó: Sự nghiệp y tế 230 chỉ tiêu, sự nghiệp giáo dục và đào tạo 831 chỉ tiêu, sự nghiệp của các ngành khác 177 chỉ tiêu*). Đội ngũ viên chức của tỉnh được tuyển dụng bảo đảm về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

- Về chính sách thu hút nhân tài: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch¹⁹ thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, không có hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức: Tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020; giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng giai đoạn và hàng năm.

Kết quả: Từ năm 2018 đến nay, có 32.621 lượt viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về: Lý luận chính trị, QLNN, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức vụ lãnh đạo quản lý, ngoại ngữ, tiếng dân tộc, kiến thức kỹ năng chuyên ngành theo vị trí việc làm,...

- Việc phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức: Năm 2017, 100% ĐVSNCL của tỉnh đã được phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

Hiện nay, thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL và các văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của Bộ Nội vụ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh đã triển khai đến các ĐVSNCL thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

¹⁸ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 05-ĐA/TU ngày 25/10/2017 về tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn

¹⁹ Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 15/4/2020.

2.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

- Việc cắt giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW đối với tất cả các địa phương là chưa phù hợp. Cụ thể, đối với tỉnh Bắc Kạn, theo thẩm định của Bộ Nội vụ về biên chế sự nghiệp của tỉnh đến năm 2025²⁰ và số biên chế Bộ Chính trị giao cho tỉnh Bắc Kạn đến năm 2026 còn 8.402 người hưởng lương từ NSNN, giảm ít nhất 934 người so với biên chế được giao năm 2021. Trong khi các ĐVSNCCL thuộc tỉnh cơ bản do NSNN bảo đảm chi thường xuyên; trên cơ sở nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị (*ổn định theo phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2026*), các đơn vị chỉ bảo đảm nguồn thu sự nghiệp trình UBND tỉnh giao được 792 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (*số biên chế này cơ bản ổn định đến năm 2026*).

Do số lượng biên chế sự nghiệp của tỉnh được thẩm định thấp hơn mặt bằng chung các tỉnh trong cả nước nên việc giao biên chế cho các đơn vị cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao (*năm 2023, các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh thiếu 426 biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN theo định mức*). Mặt khác, hằng năm tỉnh phải thực hiện cắt giảm biên chế theo tỷ lệ tỉnh giảm (*giai đoạn 2015-2021, tỉnh đã giảm 212 biên chế công chức, giai đoạn 2022-2026 phải tiếp tục giảm 74 biên chế theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị*), do đó gặp khó khăn trong việc cân đối, phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị.

- Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và ĐVSNCCL quy định HĐND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong ĐVSNCCL nhóm 4 thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế. Tuy nhiên, trên thực tế các ĐVSNCCL y tế trên địa bàn tỉnh cơ bản đều thuộc nhóm 3 (*tự bảo đảm một phần chi thường xuyên*), trong khi các Trung tâm Y tế cấp huyện chỉ có bộ phận khám chữa bệnh là có nguồn thu sự nghiệp, còn các bộ phận khác như y tế dự phòng, dân số và 108 trạm y tế cấp xã thuộc 08 huyện, thành phố đều không có nguồn thu sự nghiệp, hiện nay đang thiếu biên chế theo định mức nhưng lại không thuộc đối tượng áp dụng khoản 4 Điều 9 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Tinh giản biên chế trong các ĐVSNCCL chủ yếu tập trung giảm số lượng, chưa gắn với cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm, số lượng tinh giản còn ít, chủ yếu là nghỉ hưu trước tuổi, do sức khỏe không đảm bảo, việc đưa ra khỏi bộ máy những người có năng lực yếu, kém chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân

²⁰ Công văn số 5976/BNV-TCBC ngày 26/11/2021 của Bộ Nội vụ

là do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hằng năm.

- Công tác quản lý nguồn nhân lực ở một số đơn vị còn lãng phí, hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với số lượng biên chế được giao và cơ sở vật chất được đầu tư²¹ do nguồn kinh phí cấp để các đơn vị hoạt động chuyên môn thấp (*mở lớp đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp...*); một số đơn vị chưa xây dựng được phương án tự chủ một phần kinh phí, chưa thực hiện tốt việc đánh giá năng lực chuyên môn theo vị trí việc làm thường xuyên trong năm và hàng năm để làm cơ sở giảm số người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ viên chức còn gặp khó khăn, một số viên chức còn thiếu chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ (kỹ sư hạng III) do Bộ Khoa học và Công nghệ ít tổ chức các lớp bồi dưỡng về tiêu chuẩn chức danh công nghệ đối với viên chức²².

- Về sắp xếp tổ chức, bộ máy:

- + Việc triển khai hợp nhất một số đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng gặp nhiều khó khăn, bất cập do chưa có hướng dẫn chung về cơ cấu tổ chức bộ máy, các tổ chức bên trong, chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động của những đơn vị sau khi thực hiện sắp xếp lại, về số lượng biên chế và việc bố trí cấp trưởng, cấp phó sau khi sáp nhập;

- + Kinh phí hoạt động và cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu, đa số phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước.

- Về giao biên chế nguồn thu sự nghiệp:

- + Đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Nguồn thu của các ĐVSNCL trực thuộc chủ yếu từ nguồn thu học phí, nhưng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn số học sinh được hưởng chính sách miễn giảm học phí chiếm tỷ lệ lớn, trong khi mức thu học phí còn thấp, không đáp ứng nguồn thu;

- + Đối với sự nghiệp văn hóa, thể thao: Nguồn thu quảng cáo hàng năm ngày càng hạn hẹp do hiện nay có nhiều loại hình quảng cáo đa dạng, phong phú trên các nền tảng xã hội, quảng cáo truyền thống ít được quan tâm;

- + Đối với sự nghiệp khác: Nguồn thu dịch vụ nông nghiệp, kiểm soát giết mổ thấp, không đảm bảo được 110 triệu đồng/1 năm để giao biên chế nguồn thu sự nghiệp theo quy định.

3. Về đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công

²¹ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp

²² Báo cáo số 08/BC-SKHCN ngày 10/01/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ

3.1. Tình hình và kết quả đạt được

3.1.1. Về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và loại hình doanh nghiệp khác

Từ năm 2015 đến nay, tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện chuyển đổi mô hình từ ĐVSNCL sang công ty cổ phần đối với 03 đơn vị²³ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần.

Việc chuyển đổi mô hình đối với đơn vị sự nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và bảo toàn phần vốn nhà nước; rà soát chặt chẽ, xây dựng phương án sử dụng đất của các đơn vị sự nghiệp sau cổ phần phù hợp, không gây lãng phí. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi tăng dần theo các năm. Người lao động được bố trí việc làm, thu nhập bình quân ổn định và được đảm bảo các chế độ chính sách đúng quy định.

3.1.2. Về thực hiện xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Tính đến 30/12/2023, tỉnh Bắc Kạn không có đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; có 22 ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (*tương ứng 5,87%*); 29 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (*7,73%*); 324 đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên (*86,4%*). Như vậy, tỉnh chưa đạt mục tiêu ít nhất 10% ĐVSNCL được phân loại ở mức ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên.

Về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính các năm 2015 và 2023: số giảm chi trực tiếp cho các ĐVSNCL của địa phương chỉ đạt 3,5% (*đã loại bỏ yếu tố điều chỉnh tăng mức lương cơ sở theo Nghị định của Chính phủ để thực hiện so sánh*); chưa đạt mục tiêu giảm bình quân 10% theo Nghị quyết số 19-NQ/TU.

3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

- Cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa ĐVSNCL chưa đủ mạnh, chưa thu hút được các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần còn nhiều bất cập, lúng túng.

- Bắc Kạn là tỉnh miền núi, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ xã hội hoá chưa cao, nguồn thu từ dịch vụ thấp

²³ Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải Bắc Kạn, Bến xe ô tô khách Bắc Kạn và Ban Quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật huyện Na Rì

và không ổn định, chưa tạo được tiềm lực cho việc mở rộng và phát triển hoạt động dịch vụ sự nghiệp, từ đó giảm chi hỗ trợ từ NSNN; các dịch vụ công cơ bản như y tế, giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân, ảnh hưởng đến sự phát triển của các hoạt động dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

4. Về nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập

4.1. Tình hình và kết quả đạt được

Các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh đã rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bên trong theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao năng lực quản trị; số lượng cấp trưởng, cấp phó đơn vị đã giảm theo quy định. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ²⁴, trong đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, sắp xếp các tổ chức, cơ cấu bên trong bảo đảm đáp ứng các tiêu chí theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức dịch vụ sự nghiệp công lập và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị đã chủ động trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả xếp hạng của đơn vị.

4.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

Một số ít đơn vị do đặc thù của chức năng, nhiệm vụ hoặc do không bảo đảm số lượng biên chế/đơn vị theo quy định nên việc sắp xếp tổ chức bộ máy còn chưa đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

5. Về hoàn thiện cơ chế tài chính, thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

5.1. Tình hình và kết quả đạt được

Việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN cho các lĩnh vực cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh²⁵, UBND tỉnh đã ban hành quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh, quy định phương thức thực hiện (*giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu*) tương ứng đối với từng dịch vụ công.

Đến nay, 100% các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-

²⁴ Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 25/02/2021 và Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 23/3/2023

²⁵ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 07/12/2021, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/7/2022, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 1/8/2023 của HĐND tỉnh.

BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

5.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

- Tỉnh Bắc Kạn chưa ban hành được cơ chế để khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng, thành lập các ĐVSNCL. Hiện nay, các đơn vị ngoài công lập hoạt động chủ yếu tại khu vực thành phố Bắc Kạn, một số ít tại các huyện thực hiện cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực thiết yếu, cơ bản như giáo dục mầm non, y tế (*các phòng khám tư nhân*), môi trường (*công ty xử lý chất thải*), tư pháp (*công chứng*) các lĩnh vực còn lại chưa có đơn vị thực hiện. Quá trình thành lập cơ cấu nguồn vốn thực hiện của các đơn vị đều sử dụng từ nguồn vốn tự có và vốn vay.

- Về nâng mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 chưa đạt được theo yêu cầu của Chính phủ quy định, nguyên nhân chủ yếu là do: Nhu cầu sử dụng các dịch vụ công trên địa bàn thấp, chủ yếu tập trung ở ngành thiết yếu như y tế, giáo dục và đào tạo; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công của các đơn vị hầu như chỉ đáp ứng ở mức trung bình, một số trang thiết bị đã lạc hậu không đảm bảo cung cấp được các dịch vụ chuyên sâu, nâng cao; Việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN theo hình thức đặt hàng vẫn còn hạn chế mới chỉ thực hiện được ở lĩnh vực tài nguyên, giáo dục và đào tạo; năng lực bộ phận chuyên môn của một số đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng đơn giá dịch vụ công.

- Định mức kinh phí được giao cho các ĐVSNCL thấp, một số trường học không có nguồn thu sự nghiệp nên việc tăng thu nhập cho viên chức thấp, có đơn vị không có thu nhập tăng thêm. Mặt khác, việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP còn nhiều lúng túng do đến ngày 16/9/2022 mới có hướng dẫn thực hiện.

- Việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh còn chậm, ảnh hưởng đến việc thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý tài chính đối với dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dẫn đến địa phương không đạt mục tiêu tỷ lệ giảm chi trực tiếp từ ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết đề ra.

- Hiện nay các ĐVSNCL của địa phương chưa đủ điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp.

6. Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập

6.1. Tình hình và kết quả đạt được

Việc quyết định giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL được phân cấp từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Trong Quyết định thành lập và phương án tự chủ của các ĐVSNCL quy định rõ chức năng phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ QLNN với chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Hoạt động đầu tư và hoạt động tự chủ tài chính của các ĐVSNCL được tách biệt rõ ràng, đảm bảo hiệu quả sử dụng NSNN và không chồng chéo. Việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện chủ yếu trong công tác quản lý tài chính, tài sản, sử dụng kinh phí, phân phối kết quả hoạt động²⁶,... việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động cung ứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn chưa thực sự được chú trọng và thực hiện quyết liệt.

6.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

Mặc dù UBND tỉnh đã giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL, nhưng đến nay phần lớn các đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc xác định các dịch vụ tiêu biểu, trọng tâm để tập trung ưu tiên đầu tư phát triển. Do đó, tỷ lệ tăng nguồn thu sự nghiệp của tỉnh hàng năm rất thấp.

PHẦN II NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ĐVSNCL được các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm chỉ đạo, thực hiện đồng bộ, kịp thời và được các cấp, các ngành nghiêm túc tổ chức thực hiện bằng các kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sắp xếp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

Việc thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp

²⁶ Năm 2023: thanh tra 01 ĐVSNCL và kiểm tra 07 ĐVSNCL; tổng số tiền hạch toán tăng doanh thu năm 2020 là 10.447.030 đồng; tổng số tiền hạch toán giảm chi phí là: 1.842.166.546 đồng; Thu hồi nộp NSNN: 1.073.273.991 đồng

ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến nay đã giúp cho các đơn vị sự nghiệp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần tiết kiệm ngân sách, tinh giản biên chế, giúp các đơn vị và đội ngũ viên chức, người lao động nâng cao tính chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Tỉnh Bắc Kạn cơ bản đã thực hiện đạt chỉ tiêu về giảm số đầu mối ĐVSNCL so với mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, từng bước đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hạn chế, khó khăn

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn của một số bộ, ngành chưa thực sự kịp thời²⁷, dẫn đến việc các địa phương lúng túng trong triển khai, thực hiện, nhất là đối với các ĐVSNCL sau khi sắp xếp, tổ chức lại. Một số Bộ, ngành chậm ban hành văn bản quy định, hướng dẫn²⁸; việc cập nhật, bổ sung các quy định mới có lúc chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện và quyền lợi chính đáng của đội ngũ viên chức.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL cơ bản thực hiện sáp nhập về cơ học, sau khi tổ chức lại mới dừng ở việc thu gọn đầu mối, chưa nâng cao mức độ tự chủ về tài chính, nguồn thu hạn chế hoặc không có nguồn thu, chủ yếu chi hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo. Một số mục tiêu chưa đạt theo Nghị quyết đề ra như: có ít nhất 10% ĐVSNCL được phân loại ở mức ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên; tỷ lệ giảm chi trực tiếp từ ngân sách cho ĐVSNCL, toàn tỉnh hiện có 325/375 (86,67%) ĐVSNCL do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, trong đó, sự nghiệp giáo dục và y tế là 296 đơn vị (*chiếm 78,93% ĐVSNCL toàn tỉnh và chiếm 91% ĐVSNCL do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên*), nên việc giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp chưa thực hiện được; việc cải thiện, tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức còn thấp.

- Sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy dẫn đến số lượng biên chế của một số đơn vị tăng, trụ sở làm việc theo mô hình cũ không đáp ứng yêu cầu (*Trung tâm lưu trữ tỉnh thiếu Kho chuyên lưu trữ dụng; Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện*), một số đơn vị phải thuê trụ sở làm việc (*Phòng Công chứng số II và Phòng Công chứng số III thuộc Sở Tư pháp*); một đầu mối phải thực hiện nhiều

²⁷ Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý.

²⁸ Bộ Công Thương chưa có văn bản hướng dẫn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Công Thương; Bộ Tư pháp chưa có quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp hạng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trong lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản.

nhiệm vụ dẫn đến tình trạng quá tải, gây áp lực lớn cho viên chức, trong khi chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức hiện nay chưa tương xứng.

- Một số đơn vị sau khi tách, sáp nhập lại còn thiếu biên chế theo quy định nên việc sắp xếp tổ chức bộ máy, lãnh đạo quản lý còn chưa đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP²⁹. Số lượng biên chế sự nghiệp được giao trong một số ngành dịch vụ công cơ bản như y tế, giáo dục chưa đáp ứng được theo định mức tối thiểu quy định theo ngành, lĩnh vực làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tự chủ của các đơn vị.

3. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, đồng bộ với quyết tâm cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền. Làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL đến tất cả các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị sự nghiệp, người đứng đầu, toàn thể viên chức, người lao động của các đơn vị và người dân để tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thứ hai, trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế phải đồng bộ, công khai, dân chủ, minh bạch, thận trọng, không nóng vội; bảo đảm theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương. Quan tâm đến công tác sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế, vướng mắc, phát huy những sáng kiến kinh nghiệm hiệu quả; kịp thời biểu dương, nhân rộng những mô hình hay, những cách làm tốt.

- Thứ ba, coi trọng xây dựng nội bộ đoàn kết; phải có quyết tâm chính trị cao, có phương pháp tổ chức thực hiện bài bản, chặt chẽ, sáng tạo, khoa học, đòi hỏi người đứng đầu tổ chức phải quyết liệt, dám nghĩ, dám làm và biết cách làm, tạo động lực để sau sắp xếp cơ quan hoạt động tốt hơn.

- Thứ tư, xây dựng các Kế hoạch, Đề án thực hiện đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và điều kiện thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện. Rà soát đánh giá sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ phù hợp nhằm phát huy được năng lực của từng người, từng vị trí khi tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức để nâng cao năng lực công tác và hoàn thiện các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Thứ năm, chú trọng hoàn thiện các quy chế, quy định; xây dựng và ban

²⁹ Báo cáo số 15/BC-STNMT ngày 10/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

hành kịp thời hệ thống văn bản để lãnh đạo, quản lý và điều hành các quyết định về tổ chức, cán bộ, quy chế làm việc, vị trí việc làm, nội quy, quy chế trong cơ quan, các quy chế phối hợp, chương trình, kế hoạch công tác,... và kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp là căn cứ pháp lý, cơ sở để tổ chức thực hiện.

- Thứ sáu, thường xuyên thanh tra, kiểm tra nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong sắp xếp cán bộ, chế độ chính sách, nề nếp làm việc và những tồn đọng, chuyển tiếp sau khi sáp nhập.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất các nhóm giải pháp

1.1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách bảo đảm tính pháp lý, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW gắn với các chủ trương của Đảng về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

- Cần hoàn thiện thể chế về cơ chế tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tiếp tục đẩy mạnh phân công, phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và số người làm việc cho các ĐVSNCL; quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, điều hành ĐVSNCL; thực hiện có hiệu quả cơ chế giám sát, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu ĐVSNCL trong việc thực hiện thẩm quyền.

1.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là người đứng đầu và đội ngũ lãnh đạo, quản lý, tạo sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao để thực hiện có hiệu quả việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL trong giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bên trong của các ĐVSNCL theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm tăng tính tự chủ, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ công để đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

1.3. Nhóm giải pháp về nguồn lực

- Việc đổi mới cơ chế quản lý đội ngũ viên chức phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển, thích ứng với việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, phù hợp với các quy luật của nền kinh tế thị trường, bảo đảm tính cạnh tranh với khu vực ngoài công lập, thu hút người

có tài năng, có trình độ cao tham gia vào đội ngũ viên chức để nâng cao chất lượng phục vụ người dân trong các lĩnh vực.

- Cần xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường để thực hiện được mục tiêu đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Có cơ chế chính sách và hướng dẫn cụ thể để hoàn thành việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (*trừ bệnh viện và trường học*).

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Chính phủ

- Đề nghị xem xét tăng mức trợ cấp chi trả chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ nhằm đảm bảo quyền lợi, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thực hiện tinh giản biên chế, tạo thuận lợi trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Xem xét bổ sung biên chế công chức (**58 biên chế**) cho tỉnh Bắc Kạn để thực hiện chuyển đổi số biên chế viên chức hiện đang thực hiện chức năng QLNN sang biên chế công chức theo đúng quy định³⁰.

- Xem xét quy định, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lộ trình được tính đủ chi phí làm cơ sở để các đơn vị sự nghiệp y tế xác định mức độ tự chủ về tài chính.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá mô hình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công sang công ty cổ phần để có bài học kinh nghiệm, nhằm tổ chức thành công việc chuyển đổi các mô hình sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định.

- Chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập; quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (công chứng, đấu giá tài sản) để các đơn vị, địa phương có cơ sở thực hiện, đảm bảo quyền lợi cho viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Đối với các bộ, ngành trung ương

- Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành đầy đủ các văn bản quy định về tiêu chuẩn, hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trong

³⁰ Theo Công văn số 1183/UBND-NCPC ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã báo cáo và đề nghị Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, bổ sung 58 biên chế công chức cho tỉnh để chuyển đổi 58 biên chế viên chức đang thực hiện chức năng QLNN sang biên chế công chức theo đúng quy định (Kế hoạch số 192-KH/TU ngày 29/8/2023 về quản lý biên chế giai đoạn 2024-2026).

các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, làm cơ sở cho việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*công chứng viên, đấu giá viên*).

- Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét ban hành mã số chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể để làm căn cứ xếp ngạch, xếp lương và hưởng các chế độ chính sách của viên chức sự nghiệp theo các văn bản quy định của nhà nước.

- Đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Công Thương.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với loại hình Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện.

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng về tiêu chuẩn chức danh công nghệ (*kỹ sư hạng III*) đối với viên chức.

2.3. Đối với UBND tỉnh

- Tổ chức đánh giá công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL sau sắp xếp để có giải pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Quá trình tổng kết, đánh giá cần chủ động, tích cực, theo sát những đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan trung ương về khó khăn, tồn tại gặp phải đặc biệt khó khăn trong việc xã hội hóa những lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công không hoặc khó thực hiện do điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp tài chính theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW: cải cách về thu chi của đơn vị sự nghiệp khi thực hiện dịch vụ công; quản lý tài chính để đảm bảo nguồn thu cho cải cách tiền lương; thực hiện quản lý, tiết kiệm tài chính của đơn vị sự nghiệp công chưa tự chủ tài chính và không có nguồn thu từ cung cấp dịch vụ

- Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, bố trí sử dụng biên chế phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ và khối lượng công việc được giao; thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, người lao động hằng năm sát với các tiêu chí đánh giá hiệu quả thực thi công vụ, làm cơ sở xác định đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

- Xem xét giao đủ biên chế theo định mức để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và ngành y tế.

- Thường xuyên kiểm định, đánh giá và xếp hạng ĐVSNCL, nhất là đối với trường học, bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các ĐVSNCL, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2.4. Đối với UBND cấp huyện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Tỉnh và chính sách, pháp luật liên quan về sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, để tạo sự đồng thuận, thông suốt trong quá trình thực hiện.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo có liên quan của các cấp, các ngành để kịp thời triển khai, thực hiện; quy định rõ quyền hạn gắn với trách nhiệm người đứng đầu địa phương, đơn vị trong thực hiện sắp xếp lại các ĐVSNCL trên địa bàn.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cho cấp có thẩm quyền các phương án sắp xếp tổ chức bộ máy; cắt giảm các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp sau sắp xếp. Chủ động trong việc xác định các dịch vụ tiêu biểu, trọng tâm để tập trung ưu tiên đầu tư phát triển khi giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL.

- Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức để nâng cao năng lực công tác và hoàn thiện các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại hàng năm đối với viên chức, người lao động làm cơ sở thực hiện tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu đề ra.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023” của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (B/c);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Các vị ĐBQH tỉnh khóa XV;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ngành thuộc đối tượng giám sát;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng: CTQH, CTHĐND;
- Lưu: VT, HSGS (Thêm).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Hồ Thị Kim Ngân

